

Số: 28/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Xét Tờ trình số 279/TTr-UBND, ngày 27/11/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2020; Báo cáo số 379/BC-UBND ngày 03/12/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc báo cáo giải trình bổ sung một số nội dung về biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua tổng biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2020 và quyết định giao biên chế cho các cơ quan của Thành phố, quận, huyện, thị xã như sau:

1. Biên chế hành chính: 9.479 biên chế, trong đó:

- Biên chế công chức: 8.042 biên chế.
- Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 1.437 chỉ tiêu.

2. Biên chế sự nghiệp: 142.564 biên chế, trong đó:

- Biên chế viên chức: 122.765 biên chế (gồm dự phòng: 2.793 biên chế).
- Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 10.869 chỉ tiêu.
- Lao động hợp đồng theo định mức: 8.930 chỉ tiêu.

(Kèm theo biểu chi tiết số 1 và số 2)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

1. Tổ chức thực hiện tổng biên chế hành chính, sự nghiệp đúng số giao theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ và theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố. Trong năm 2020 nếu có phát sinh (tăng hoặc giảm) so với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố (bao gồm cả số lượng chỉ tiêu dự phòng biên chế công chức hành chính và viên chức sự nghiệp), Ủy ban nhân dân Thành phố thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố trước khi thực hiện và báo cáo với Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất.

2. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền thực hiện các Nghị quyết của Trung ương 6, Trung ương 7 (Khóa XII), Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị, các Nghị định của Chính phủ gắn liền với kiện toàn, sắp xếp lại tổ chức bộ máy; tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù về khuyến khích các đối tượng nghỉ tinh giản biên chế của Thành phố, báo cáo đề xuất với Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định theo thẩm quyền. Triển khai thực hiện tốt Nghị định 113/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, đề cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện tinh giản biên chế.

3. Thực hiện việc chuyển các đơn vị sự nghiệp công lập sang tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ và sang mô hình công ty cổ phần theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; đảm bảo thực hiện chỉ tiêu đến năm 2021 tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII).

4. Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy tinh gọn và hiệu quả; hoàn thành Đề án sắp xếp các trường cao đẳng, trung cấp công lập thuộc Thành phố; các Trung tâm bảo trợ xã hội trực thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội; thành lập Trung tâm Điều hành thông minh Thành phố; thí điểm mô hình văn phòng tư vấn, cung ứng dịch vụ hành chính công tại quận Long Biên; sắp xếp các cơ quan chuyên môn theo tinh thần sửa đổi Nghị định 24/2014/NĐ-CP và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP về tổ chức các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện.

5. Thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) và theo Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 01/11/2018 của Thành ủy, xây dựng cơ chế, định mức khoán chi thường xuyên, thực hiện thí điểm chi thu nhập bình quân tăng thêm không quá 0,8 lần quỹ lương cơ bản của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan, đơn vị của Thành phố; báo cáo HĐND Thành phố để thực hiện theo thẩm quyền.

6. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, thống nhất, đồng bộ, có hiệu quả trong công tác cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính. Tiếp tục xác định công tác cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của Thành phố, đơn giản đến mức tối đa các thủ tục hành chính liên quan, xây dựng quy trình giải quyết công việc theo tinh thần 5 rõ (rõ người, rõ việc, rõ quy trình, rõ trách nhiệm, rõ hiệu quả công việc) và “một việc - một đầu mối xuyên suốt”; nâng cao dịch vụ công mức độ 3 và 4 để phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn. Triển khai tốt công tác đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

7. Chủ động rà soát, điều chỉnh đề án vị trí việc làm cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn quản lý. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục nghiên cứu xây dựng chính sách, cơ chế tạo nguồn, trọng dụng tài năng, nguồn nhân lực chất lượng cao (gồm cả công chức, viên chức đang làm việc trong các cơ quan, đơn vị của Thành phố) để thu hút và có

chế độ đãi ngộ tương xứng. Nâng cao chất lượng đánh giá công chức, viên chức; nghiên cứu tiêu chí định lượng trong việc đánh giá trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật và bổ nhiệm cán bộ.

Tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; đổi mới nội dung, hình thức thi tuyển, nghiên cứu cơ chế xét tuyển đối với một số đối tượng đặc thù để đảm bảo thu hút người có đức, có tài phục vụ cho các cơ quan của Thành phố.

8. Tiếp tục xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, thanh tra việc chấp hành công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính và việc thực hiện Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan Thành phố; duy trì nghiêm chế độ tự kiểm tra, giám sát và trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức, cơ quan, đơn vị.

9. Chỉ đạo Sở Nội vụ, Sở Tư pháp và các ngành liên quan của Thành phố thường xuyên rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Thành phố liên quan đến lĩnh vực tổ chức, bộ máy, biên chế để sửa đổi, bổ sung, thay thế kịp thời theo đúng các quy định của pháp luật và để triển khai có hiệu quả các bước thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về việc thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Đề nghị Ủy ban Mặt Trận Tổ Quốc thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị-xã hội tham gia giám sát thực hiện Nghị quyết theo chức năng, nhiệm vụ quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XV, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác Đại biểu;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN TP;
- Đoàn ĐBQH Hà Nội;
- Các đại biểu HĐND Thành phố;
- Các VP: Thành ủy, HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Các cơ quan thông tấn, báo chí;
- Lưu: VT *VT*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Bích Ngọc

**KẾ HOẠCH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH TRONG CÁC CƠ QUAN
TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2020**

(Kèm theo Nghị quyết số: 28/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của HĐND Thành phố)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH NĂM 2020		
		Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP
	Tổng cộng	9 479	8 042	1 437
I	Khối Sở ngành	4 223	3 359	864
1	Văn phòng UBND Thành phố	204	150	54
2	Văn phòng HĐND Thành phố	66	52	14
3	Sở Thông tin và Truyền thông	83	70	13
4	Sở Nội vụ	166	125	41
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	768	587	181
6	Sở Công Thương	145	125	20
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	177	160	17
8	Sở Tài chính	238	220	18
9	Sở Xây dựng	227	204	23
10	Sở Giao thông Vận tải	715	417	298
11	Sở Khoa học và Công nghệ	120	101	19
12	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	163	149	14
13	Sở Giáo dục và đào tạo	148	128	20
14	Sở Y tế	186	153	33
15	Sở Văn hóa và Thể thao	124	108	16

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH NĂM 2020		
		Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP
16	Sở Du lịch	63	54	9
17	Sở Tư pháp	84	74	10
18	Sở Ngoại vụ	41	33	8
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	185	169	16
20	Sở Quy hoạch Kiến trúc	106	91	15
21	Thanh tra Thành phố	122	114	8
22	Ban Dân tộc	29	21	8
24	Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội	63	54	9
II	Khối Chính quyền Quận, huyện, thị xã	5 256	4 683	573
1	Quận Hoàn Kiếm	210	182	28
2	Quận Hai Bà Trưng	225	193	32
3	Quận Ba Đình	188	170	18
4	Quận Đống Đa	239	211	28
5	Quận Tây Hồ	167	150	17
6	Quận Thanh Xuân	167	149	18
7	Quận Cầu Giấy	166	149	17
8	Quận Hoàng Mai	187	170	17
9	Quận Long Biên	166	160	6
10	Quận Nam Từ Liêm	170	150	20
11	Quận Bắc Từ Liêm	173	153	20
12	Quận Hà Đông	198	178	20

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH NĂM 2020		
		Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP
13	Huyện Thanh Trì	196	178	18
14	Huyện Gia Lâm	207	184	23
15	Huyện Đông Anh	209	197	12
16	Huyện Sóc Sơn	224	204	20
17	Huyện Ba Vì	173	152	21
18	Thị xã Sơn Tây	176	153	23
19	Huyện Thạch Thất	148	136	12
20	Huyện Phúc Thọ	142	128	14
21	Huyện Đan Phượng	152	129	23
22	Huyện Hoài Đức	153	141	12
23	Huyện Quốc Oai	159	135	24
24	Huyện Chương Mỹ	164	140	24
25	Huyện Thanh Oai	136	124	12
26	Huyện Thường Tín	145	132	13
27	Huyện Ứng Hòa	156	132	24
28	Huyện Phú Xuyên	145	130	15
29	Huyện Mỹ Đức	156	132	24
30	Huyện Mê Linh	159	141	18

**KẾ HOẠCH SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG CÁC
ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2020**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 28/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của HĐND Thành phố)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2020			
		Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức
	Tổng cộng	142 564	122 765	10 869	8 930
I	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Khối Sở Ngành	29 982	26 470	3 285	227
1	Văn phòng UBND Thành phố	30	29	1	
2	Sở Thông tin và Truyền thông	71	68	3	
3	Sở Nội vụ	24	24		
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2 058	1 743	108	207
5	Sở Công Thương	77	69	8	
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	39	37	2	
7	Sở Tài chính	20	17	3	
8	Sở Giao thông Vận tải	90	77	13	
9	Sở Khoa học và Công nghệ	90	74	16	
10	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	2 790	1 615	1 175	
11	Sở Giáo dục và đào tạo	10 615	10 056	539	20
12	Sở Y tế	12 421	11 225	1 196	
13	Sở Văn hóa và Thể thao	1 328	1 126	202	
14	Sở Tư pháp	149	139	10	
15	Sở Tài nguyên và Môi trường	156	147	9	
16	Ban quản lý khu công nghiệp và chế xuất	24	24		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2020			
		Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức
II	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành phố	2 424	2 206	218	
1	Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	211	120	91	
2	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch thành phố Hà Nội	110	98	12	
3	Viện Nghiên cứu phát triển Kinh tế - Xã hội Hà Nội	76	72	4	
4	Trường Đại học Thủ đô	386	371	15	
5	Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội	146	143	3	
6	Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây	226	213	13	
7	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội	177	172	5	
8	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Tây	144	129	15	
9	Trường Cao đẳng Điện tử Điện lạnh Hà Nội	164	158	6	
10	Trường Cao đẳng Thương Mại và Du lịch Hà Nội	159	152	7	
11	Trường Cao đẳng Công nghệ Môi trường Hà Nội	82	73	9	
12	Trường Cao đẳng Nghề Công nghiệp Hà Nội	252	245	7	
13	Trường Cao đẳng Nghề Công nghệ cao Hà Nội	201	190	11	
14	Trường Cao đẳng Nghề Việt Nam - Hàn Quốc	90	70	20	
III	Khối Hội được giao biên chế	472	373	31	68
1	Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Thành phố	23	9	2	12
2	Liên Hiệp các Tổ chức hữu nghị Thành phố	16	14	2	
3	Liên Hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Thành phố	9	3	1	5
4	Hội Chữ Thập Đỏ	21	19	2	
5	Hội Người mù	26		4	22
6	Hội Luật gia	5	5		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2020			
		Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức
7	Hội Nhà Báo	7	5	1	1
8	Hội Đông Y	24	20	2	2
9	Hội Khuyến học	1			1
10	Hội cựu Thanh niên xung phong Thành phố	8		2	6
11	Liên minh hợp tác xã Thành phố	48	27	2	19
12	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành Đoàn	284	271	13	
IV	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc quận, huyện, thị xã	106 893	90 923	7 335	8 635
1	Quận Hoàn Kiếm	1 992	1 674	193	125
2	Quận Hai Bà Trưng	3 153	2 693	233	227
3	Quận Ba Đình	2 756	2 380	205	171
4	Quận Đống Đa	3 411	2 901	270	240
5	Quận Tây Hồ	1 678	1 434	113	131
6	Quận Thanh Xuân	2 456	2 098	162	196
7	Quận Cầu Giấy	2 696	2 352	150	194
8	Quận Hoàng Mai	3 358	2 863	221	274
9	Quận Long Biên	3 917	3 293	247	377
10	Quận Nam Từ Liêm	2 250	1 924	137	189
11	Quận Bắc Từ Liêm	2 674	2 291	158	225
12	Quận Hà Đông	4 709	4 035	251	423
13	Huyện Thanh Trì	4 019	3 375	294	350
14	Huyện Gia Lâm	3 912	3 312	285	315
15	Huyện Đông Anh	5 529	4 745	290	494
16	Huyện Sóc Sơn	5 538	4 724	400	414

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2020			
		Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức
17	Huyện Ba Vì	5 271	4 386	453	432
18	Thị xã Sơn Tây	2 320	1 969	174	177
19	Huyện Thạch Thất	3 696	3 168	252	276
20	Huyện Phúc Thọ	3 311	2 813	220	278
21	Huyện Đan Phượng	2 808	2 400	181	227
22	Huyện Hoài Đức	4 274	3 630	229	415
23	Huyện Quốc Oai	3 788	3 196	290	302
24	Huyện Chương Mỹ	4 892	4 173	327	392
25	Huyện Thanh Oai	3 407	2 917	208	282
26	Huyện Thường Tín	4 023	3 476	266	281
27	Huyện Ứng Hòa	3 566	3 022	274	270
28	Huyện Phú Xuyên	4 000	3 402	263	335
29	Huyện Mỹ Đức	3 802	3 139	367	296
30	Huyện Mê Linh	3 687	3 138	222	327
V	Biên chế còn chưa phân bổ	2 793	2 793		